

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Công Thương tỉnh Đồng Nai
năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3566/TTr-SCT ngày 31 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 57 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Công Thương tỉnh Đồng Nai năm 2025 (Phụ lục danh mục và nội dung đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan đến các lĩnh vực kiến nghị đơn giản hóa nêu tại Điều 1 của Quyết định này, có trách nhiệm:

1. Đối với các nội dung đề xuất đơn giản hóa, kiến nghị Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương xem xét, phê duyệt: Thường xuyên theo dõi, chủ động tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh trong việc triển khai thực thi các phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính theo nội dung kiến nghị sau khi các quy phạm pháp luật tương ứng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh hoặc ban hành mới phù hợp.

2. Đối với các nội dung đề xuất đơn giản hóa thuộc thẩm quyền giải quyết: khẩn trương phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh trong việc thực hiện các nội dung nhiệm vụ để triển khai thực thi các phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính theo nội dung kiến nghị phù hợp với các quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Đối với các nội dung đề xuất giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Chủ động triển khai, đôn đốc thực hiện giảm thời gian xử lý hồ sơ trên thực tế nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

Phụ lục I

**DANH MỤC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
I	Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp			
1	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Bỏ điểm b, khoản 1, Điều 21 của Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.	Bỏ bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.
2	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Bỏ điểm c, khoản 1, Điều 27 của Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	Bỏ Hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên.
3	2.000619	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Bỏ khoản 3, Điều 25 của Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.	Giảm 03 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
4	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Bỏ điểm b, khoản 2, Điều 22 của Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.	Bỏ bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.
II	Lĩnh vực bán buôn rượu			
5	2.001624	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bỏ điểm b, khoản 2, Điều 26 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Bỏ Bản sao Giấy phép đã được cấp.
6	2.000636	Thủ tục cấp lại giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương -	Bỏ điểm a, khoản 2, Điều 27 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: Bỏ Bản sao Giấy phép đã được cấp.
III	Lĩnh vực bán buôn sản phẩm thuốc lá			
7	2.000190	Thủ tục cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Bỏ điểm b, khoản 2, Điều 38 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp	Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ:

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			thi hành luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Chính phủ	Bỏ Bản sao Giấy phép đã được cấp.
8	2.000176	Thủ tục cấp sửa đổi bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Bỏ điểm b, khoản 2, Điều 38 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: Bỏ Bản sao Giấy phép đã được cấp.
IV Lĩnh vực Bảo vệ Người tiêu dùng				
9	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Sửa đổi khoản 1, Điều 8 của Nghị định 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ người tiêu dùng.	Giảm 09 ngày làm việc , thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
V	Lĩnh Xuất nhập khẩu			
10	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Bỏ điểm b, d, đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	Bãi bỏ 03 thành phần hồ sơ: - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 01 bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp. - Tài liệu chứng minh doanh nghiệp sở hữu kho, bãi hoặc hợp đồng thuê kho, bãi phục vụ kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông lạnh theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP: 01 bản sao. - Văn bản của cơ quan điện lực nơi doanh nghiệp có kho, bãi xác nhận về việc kho, bãi có đủ nguồn điện lưới để vận hành cá công-ten-nơ lạnh theo sức chứa: 01 bản chính.
11	1.001238	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ: - Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
				doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của thương nhân.
12	1.001104	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Sửa đổi khoản 3 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	Giảm 01 ngày làm việc , thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định” xuống còn “Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định”.
VI	Lĩnh vực Thương mại Quốc tế			
13	2.000255	Cấp giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 03 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.
14	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 09 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 19 ngày làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
				việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.
15	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 09 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.
16	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 09 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.
17	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 09 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
18	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 06 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.
19	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 06 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.
20	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Sửa đổi, bổ sung Điều 29 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 16,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 38,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
21	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	Sửa đổi, bổ sung Điều 32 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 06 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.
22	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	Sửa đổi, bổ sung Điều 32 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 17,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 58 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 40,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.
23	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Sửa đổi, bổ sung Điều 38 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	Giảm 16,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 38,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.
VII	Lĩnh vực Kinh doanh khí			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
24	2.001424	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LPG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp
25	1.000649	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LNG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp
26	1.000146	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu CNG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp
27	1.00510	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LPG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp
28	1.005372	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LNG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
29	1.000387	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu CNG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.
30	2.000078	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.
31	2.000390	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.
32	1.000491	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.
33	2.000136	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
34	2.000156	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.
35	2.000279	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.
VIII Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước				
36	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - mã số: 2.000626 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 11 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	
37	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - mã số: 2.000622 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 39 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	Cắt giảm thời gian giải quyết
38	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - mã số: 2.000204 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			- Sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 38 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	
39	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - mã số: 2.000637 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 11 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	Cắt giảm thời gian giải quyết
40	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - mã số: 2.000197 Theo	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 38 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	
41	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - mã số: 2.00064Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 39 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	
IX	Lĩnh vực cụm công nghiệp			
42	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	- Sửa đổi thủ tục hành chính Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp - mã số: 1.012427 Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi khoản 3, Điều 10 Nghị định 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	Cắt giảm thời gian giải quyết
X	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng			
43	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá - mã số: 1.000667 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm khoản 2, Điều 34 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	
44	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá mã số: 1.000948 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm c khoản 2, Điều 14 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
45	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá mã số: 1.000911 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm b khoản 2, Điều 14 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	Cắt giảm thời gian giải quyết
46	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	- Sửa đổi thủ tục hành chính Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại mã số: 2.000209 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi khoản 17, Điều 1 Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			định số 67/2013/NĐ-cp ngày 27 tháng 6 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	
47	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá mã số: 1.000162 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi khoản điểm b, Khoản 2 Điều 24 nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	Cắt giảm thời gian giải quyết
48	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá mã số: 1.000981 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm b khoản 2, Điều 14 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	
49	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	- Sửa đổi thủ tục hành chính Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá mã số: 1.000172 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm b khoản 4, Điều 36 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
50	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	- Sửa đổi thủ tục hành chính Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu mã số: 1.000949 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai - Sửa đổi điểm b khoản 5, Điều 36 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá	Cắt giảm thời gian giải quyết
XI	Lĩnh vực An toàn thực phẩm			
51	2.001293	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	- Sửa đổi mục 3 phần VII Phụ lục XI Phụ lục TTHC trong lĩnh vực ATTP tại Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện– Mã TTHC: 2.001293 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai	
52	<u>2.001682</u>	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Sửa đổi mục 4 phần I Phụ lục XI Phụ lục TTHC trong lĩnh vực ATTP tại Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước– Mã TTHC: <u>2.001682</u> tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
53	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Sửa đổi phần II Phụ lục XI Phụ lục TTHC trong lĩnh vực ATTP tại Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước– Mã TTHC: 1.003951 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai.	Cắt giảm thời gian giải quyết
54	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Sửa đổi mục 4 phần III Phụ lục XI Phụ lục TTHC trong lĩnh vực ATTP tại Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước– Mã TTHC: 2.001660 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai	
55	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	- Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm– Mã TTHC: 1.003860 Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
56	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	- Sửa đổi tại Điều 10 Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công thương quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm– Mã TTHC: 2.001595 Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai	Cắt giảm thời gian giải quyết
57	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	- Sửa đổi tại Điều 11 Thông tư số 40/2013/TT-BC ngày 31/12/2013 của Bộ Công thương quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hoặc nhóm TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất đơn giản hóa
			kiểm chứng về an toàn thực phẩm– Mã TTHC: 1.003929 Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai	

Phụ lục II
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG
TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. LĨNH VỰC BÁN HÀNG ĐA CẤP

1. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương - 2.000309

a. Nội dung đơn giản hóa: bỏ bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

- **Lý do:** Giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. Do đó, cơ quan cấp phép có thể tra cứu thông tin đăng ký của doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Bỏ điểm b, khoản 1, Điều 21 của Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2025: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 16 hồ sơ = 48.000 đồng. (các doanh nghiệp đã xin hoạt động tại địa phương rồi; hiện trên địa bàn tỉnh có 16 doanh nghiệp đang hoạt động).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ: 10%

2. Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp - 2.000609

a. Nội dung đơn giản hóa: bỏ Hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên.

- **Lý do:** Hồ sơ đã quy định Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo; Văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo; việc ký kết hợp đồng báo cáo viên là giữa Công ty và báo cáo viên nên không cần báo cáo Sở Công Thương.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Bỏ điểm c, khoản 1, Điều 27 của Nghị định

40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ, trung bình 50 tờ/ bộ = 60.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 60.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2025: 60.000 đồng/bộ hồ sơ x 50 hồ sơ = 3.000.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 60.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ: 50%

3. Thông báo Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương - 2.000619

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 03 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Bỏ khoản 3, Điều 25 của Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 10 ngày = 3.200.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 3.200.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 3.200.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 07 ngày = 2.240.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 2.240.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 2.240.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.200.000 - 2.240.000 đồng = 960.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 960.000 đồng x 1 = 960.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

4. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương - 2.000631

a. Nội dung đơn giản hóa: bỏ 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

- **Lý do:** Giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. Do đó, cơ quan cấp phép có thể tra cứu thông tin đăng ký của doanh nghiệp trên cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi: Bỏ điểm b, khoản 2, Điều 22 của Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2025: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 16 hồ sơ = 48.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ: 10%

II. LĨNH VỰC BÁN BUÔN RƯỢU

5. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - 2.001624.

a. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ Bản sao Giấy phép đã được cấp.

- Lý do: Giấy phép bán buôn rượu đã được lưu trữ tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí photo, lưu trữ giấy tờ, giảm chi phí lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Bỏ điểm b, khoản 2, Điều 26 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm trong năm 2025: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 04 hồ sơ = 12.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Tỷ lệ: 10%

6. Thủ tục cấp lại giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - 2.000636.

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm Bản sao Giấy phép đã được cấp.

- Lý do: Giấy phép bán buôn rượu đã được lưu trữ tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí photo, lưu trữ giấy tờ, giảm chi phí lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Bỏ điểm a, khoản 2, Điều 27 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm trong năm 2025: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 03 hồ sơ = 9.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Tỷ lệ: 30%

III. LĨNH VỰC BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

7. Thủ tục cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá - 2.000190

a. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ Bản sao Giấy phép đã được cấp.

- Lý do: Giấy phép bán buôn thuốc lá đã được lưu trữ tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí photo, lưu trữ giấy tờ, giảm chi phí lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Bỏ điểm b, khoản 2, Điều 38 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Chính phủ.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x ... hồ sơ = ... đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ: 30%

8. Thủ tục cấp sửa đổi bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá - 2.000176

a. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ 01 Bản sao Giấy phép đã được cấp.

- Lý do: Giấy phép bán buôn rượu đã được lưu trữ tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép đã có thông tin về Giấy phép đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí photo, lưu trữ giấy tờ, giảm chi phí lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Bỏ điểm b, khoản 2, Điều 38 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x ... hồ sơ = ... đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ: 30%

IV. LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

9. Thủ tục Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương - 2.000191

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 09 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Bỏ khoản 1, Điều 8 của Nghị định 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ người tiêu dùng.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 30 ngày = 9.600.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 9.600.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 9.600.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 21 ngày = 6.720.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 6.720.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 6.720.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 9.600.000 – 6.720.000 đồng = 2.880.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 2.880.000 đồng x 1 = 2.880.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

V. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

10. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh - 1.004155

a. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ 03 thành phần hồ sơ:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 01 bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp.

- Tài liệu chứng minh doanh nghiệp sở hữu kho, bãi hoặc hợp đồng thuê kho, bãi phục vụ kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông lạnh theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP: 01 bản sao.

- Văn bản của cơ quan điện lực nơi doanh nghiệp có kho, bãi xác nhận về việc kho, bãi có đủ nguồn điện lưới để vận hành cá công-ten-nơ lạnh theo sức chứa: 01 bản chính.

- **Lý do:** Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu của Bộ Công Thương. Đồng thời Giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. Do đó, cơ quan cấp phép có thể tra cứu thông tin đăng ký của doanh nghiệp trên cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ điểm b, d, đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ, trung bình 20 tờ/ bộ = 60.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 60.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2025: 60.000 đồng/bộ hồ sơ x 50 hồ sơ = 3.000.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 60.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ: 50%

11. Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu - 1.001238

a. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ 01 thành phần hồ sơ:

- Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của thương nhân.

- **Lý do:** Giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đã được cấp bởi cơ quan nhà nước và các thông tin đó đã được lưu trữ, liên thông giữa các cơ quan. Do đó, cơ quan cấp phép có thể tra cứu thông tin đăng ký của doanh nghiệp trên cổng thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ, trung bình 02 tờ/ bộ = 6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm trong năm 2025: 6.000 đồng/bộ hồ sơ x 100 hồ sơ = 600.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa x 3.000 đồng/ tờ = 6.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Tỷ lệ: 20%

12. Sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu - 1.001104

a. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định” xuống còn “Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 03 ngày = 960.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 960.000 đồng x 20 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 19.200.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 02 ngày = 640.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 640.000 đồng x 20 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 12.800.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 1 hồ sơ: 960.000 đồng – 640.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 20 = 6.400.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,3%.

VI. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

13. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa - 2.000255

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 03 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 10 ngày = 3.200.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 3.200.000 đồng x 5 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 16.000.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 7 ngày = 2.240.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 2.240.000 đồng x 5 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 11.200.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.200.000 - 2.240.000 đồng = 960.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 960.000 đồng x 5 = 4.800.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

14. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn - 2.000370

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 09 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 28 ngày = 8.960.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 8.960.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 17.920.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 19 ngày = 6.080.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 6.080.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 12.160.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 8.960.000 - 6.080.000 đồng = 2.880.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 2.880.000 đồng x 2 = 5.760.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,1%.

15. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí - 2.000362

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 09 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 28 ngày = 8.960.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 8.960.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 17.920.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 19 ngày = 6.080.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 6.080.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 12.160.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 8.960.000 - 6.080.000 đồng = 2.880.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 2.880.000 đồng x 2 = 5.760.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,1%.

16. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP - 2.000351

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 09 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 28 ngày = 8.960.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 8.960.000 đồng x 7 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 62.720.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 19 ngày = 6.080.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 6.080.000 đồng x 7 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 42.560.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 8.960.000 - 6.080.000 đồng = 2.880.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 2.880.000 đồng x 7 = 20.160.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,1%.

17. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài - 2.000330

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 09 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 28 ngày = 8.960.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 8.960.000 đồng x 10 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 89.600.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 19 ngày = 6.080.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 6.080.000 đồng x 10 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 60.800.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 8.960.000 - 6.080.000 đồng = 2.880.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 2.880.000 đồng x 10 = 28.800.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,1%.

18. Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP - 2.000272

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 06 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 13 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 20 ngày = 6.400.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 6.400.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 12.800.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 14 ngày = 4.480.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 4.480.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 8.960.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 6.400.000 - 4.480.000 đồng = 1.920.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 1.920.000 đồng x 2 = 3.840.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

19. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) - 2.000361

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 06 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 20 ngày = 6.400.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 6.400.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 12.800.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 14 ngày = 4.480.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 4.480.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 8.960.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 6.400.000 - 4.480.000 đồng = 1.920.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 1.920.000 đồng x 2 = 3.840.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

20. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) - 1.000774

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 16,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 38,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 29 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 55 ngày = 17.600.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 17.600.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 35.200.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 38,5 ngày = 12.320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 12.320.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 24.640.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 17.600.000 đồng - 12.320.000 đồng = 5.280.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 5.280.000 đồng x 2 = 10.560.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

21. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại - 2.000322

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 06 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 32 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 20 ngày = 6.400.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 6.400.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 6.400.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 14 ngày = 4.480.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 4.480.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 4.480.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 6.400.000 - 4.480.000 đồng = 1.920.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 1.920.000 đồng x 1 = 1.920.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

22. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini - 2.002166

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 17,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 58 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 40,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 32 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 58 ngày = 18.560.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 18.560.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 18.560.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 40,5 ngày = 12.960.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 12.960.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 12.960.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 18.560.000 - 12.960.000 đồng = 5.600.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 5.600.000 đồng x 1 = 5.600.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,1%.

23. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động - 2.000662

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 16,5 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 38,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Công Thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 38 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 55 ngày = 17.600.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2025: 17.600.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 17.600.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 38,5 ngày = 12.320.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2025: 12.320.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 12.320.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 17.600.000 đồng - 12.320.000 đồng = 5.280.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2025: 5.280.000 đồng x 1 = 5.280.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

VII. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

24. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LPG - 2.001424: Trường hợp đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- **Lý do:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp điều chỉnh đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 50 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 150.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2024: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2024) = 0 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 5%

25. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LNG - 1.000649: Trường hợp đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- Lý do: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp điều chỉnh đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 50 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 150.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2024: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2024) = 0 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 5%

26. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu CNG - 1.000146: Trường hợp đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- Lý do: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp điều chỉnh đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 50 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 150.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2024: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2024) = 0 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 5%

27. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LPG - 1.00510: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức.

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- **Lý do:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 5 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 15.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

- + Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2023) = 0 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm: 30%

28. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu LNG - 1.005372: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức.

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- Lý do: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 5 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 15.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2023) = 0 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm: 30%

29. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất nhập khẩu CNG - 1.000387: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức.

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- **Lý do:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 5 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 15.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2023) = 0 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 30%

30. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG - 2.000078: Trường hợp đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- **Lý do:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp điều chỉnh đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 50 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 150.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2024: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2024) = 0 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 5%

31. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG - 2.000390: Trường hợp đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- **Lý do:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp điều chỉnh đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 50 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 150.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2024: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2024) = 0 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 5%

32. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG - 1.000491: Trường hợp đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- **Lý do:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp điều chỉnh đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 50 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 150.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2024: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2024) = 0 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 5%

33. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG - 2.000136: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức.

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- **Lý do:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 5 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 15.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2023) = 0 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 30%

34. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG - 2.000156: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức.

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- **Lý do:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 5 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 15.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2023) = 0 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 30%

35. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG - 2.000279: Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức.

a. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ. Bỏ 01 thành phần hồ sơ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- **Lý do:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp đã được lưu trữ tại hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời trong đơn đề nghị cấp lại đã có thông tin về Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp cắt giảm chi phí đi lại photo giấy tờ, giảm lưu trữ giấy tờ trùng lặp của cơ quan cấp phép.

b. Kiến nghị thực thi:

Bỏ bớt thành phần GCN đã được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa (02 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 5 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 15.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa (01 thành phần/bộ hồ sơ), chi phí = 01 thành phần x 3.000 đồng/ thành phần hồ sơ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm 01 tờ giấy A4/ bộ = 3.000 đồng/bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2023: 3.000 đồng/bộ hồ sơ x 0 hồ sơ (không phát sinh năm 2023) = 0 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 30%

VIII. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

36. Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - 2.000626

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- **Thẩm quyền đơn giản hóa:** Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 11 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - mã số: 2.000626 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)¹ x 17 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 15 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 5.440.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 2.240.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 2.240.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 16 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 14 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 5.120.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.120.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 10.240.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.440.000 đồng - 5.120.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 2 = 640.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.*

37. Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - 2.000622

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

¹ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 39 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - mã số: 2.000626 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa*:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)² x 17 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 15 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 5.440.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 2.240.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 2.240.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa*:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 16 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 14 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 5.120.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.120.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 10.240.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm*:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.440.000 đồng - 5.120.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 2 = 640.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí*: 28.5%.

38. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - 2.000204

a. Nội dung đơn giản hóa:

² Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 38 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - mã số: 2.000204 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)³ x 17 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 15 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 5.440.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 2.240.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 2.240.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 16 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 14 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 5.120.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.120.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 10.240.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.440.000 đồng - 5.120.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 2 = 640.000 đồng/năm

³ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

39. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - 2.000637

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “10 ngày làm việc” xuống còn “09 ngày làm việc”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- **Thẩm quyền đơn giản hóa:** Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 11 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - mã số: 2.000637 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 11 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 10 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 3.520.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 3.840.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 7.040.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 10 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 09 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 3.200.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 3.200.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 6.400.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.520.000 đồng - 3.200.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 2 = 640.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

40. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - 2.000197

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “10 ngày làm việc” xuống còn “09 ngày làm việc”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- **Thẩm quyền đơn giản hóa:** Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 38 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - mã số: 2.000197 Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 11 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 10 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 3.520.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 3.840.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 7.040.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 10 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 09 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 3.200.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 3.200.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 6.400.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.520.000đồng - 3.200.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 2= 640.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.*

41. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - 2.000640

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “10 ngày làm việc” xuống còn “09 ngày làm việc”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 38 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - mã số: 2.000197 Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 11 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 10 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 3.520.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 3.840.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 7.040.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 10 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 09 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 3.200.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 3.200.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 6.400.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $3.520.000 \text{ đồng} - 3.200.000 \text{ đồng} = 320.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: $320.000 \text{ đồng} \times 2 = 640.000 \text{ đồng/năm}$

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.*

IX. LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP

42. Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp - 1.012427

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 02 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “57 ngày làm việc” xuống còn “55 ngày làm việc”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3, Điều 10 Nghị định 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp - mã số: 1.012427 Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) $\times 58 \text{ ngày}$ (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 57 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) $= 18.560.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

+ Tổng cộng năm 2025: $18.560.000 \text{ đồng} \times 1$ (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) $= 18.560.000 \text{ đồng}$.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) $\times 56 \text{ ngày}$ (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 55 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) $= 17.920.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

+ Tổng cộng năm 2025: $17.920.000 \text{ đồng} \times 1$ (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) $= 17.920.000 \text{ đồng}$.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 18.560.000 đồng - 17.920.000 đồng = 640.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 640.000 đồng x 1 = 640.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.*

43. Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá - 1.000667

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “10 ngày làm việc” xuống còn “09 ngày làm việc”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm khoản 2, Điều 34 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá - mã số: 1.000667 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 11 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 10 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 3.520.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 3.840.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 7.040.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 10 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 09 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 3.200.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 3.200.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 6.400.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.520.000đồng - 3.200.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 2= 640.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.*

44. Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá - 1.000948

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm c khoản 2, Điều 14 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá mã số: 1.000948 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)⁴ x 17 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 15 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 5.440.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.440.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 5.440.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 16 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 14 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 5.120.000 đồng/1 hồ sơ.

⁴ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

+ Tổng cộng năm 2025: 5.120.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 10.240.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.440.000 đồng - 5.120.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 2 = 640.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.*

45. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá - 1.000911

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b khoản 3, Điều 38 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá mã số: 1.000911 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)⁵ x 17 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 15 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 5.440.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.440.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 10.880.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

⁵ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 16 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 14 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 5.120.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.120.000 đồng x 2 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 10.240.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.440.000 đồng - 5.120.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 2 = 640.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.*

46. Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại - 2.000209

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 17, Điều 1 Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 67/2013/nđ-cp ngày 27 tháng 6 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại mã số: 2.000209 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)⁶ x 8 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 7 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 2.560.000 đồng/1 hồ sơ.

⁶ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

+ Tổng cộng năm 2025: 2.560.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 2.560.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 7 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 06 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 2.240.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 2.240.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 2.240.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 2.560.000 đồng - 2.240.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 1 = 320.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.*

47. Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá - 1.000162

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi thủ tục hành chính Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá mã số: 1.000162 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

- Sửa đổi khoản điểm b, Khoản 2 Điều 24 nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)⁷ x 17 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 15 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 5.440.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.440.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 5.440.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 16 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 14 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 5.120.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.120.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 5.120.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.440.000 đồng - 5.120.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 1 = 320.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.*

48. Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá - 1.000981

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 02 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “20 ngày làm việc” xuống còn “18 ngày làm việc”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b khoản 2, Điều 14 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá mã số: 1.000981 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

⁷ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 21 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 6.720.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 6.720.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 6.720.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 19 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 18 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 6.080.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 6.080.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 6.080.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 6.720.000 đồng - 6.080.000 đồng = 640.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 640.000 đồng x 1 = 640.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.*

49. Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá - 1.000172

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b khoản 4, Điều 36 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá mã số: 1.000172 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong

các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)⁸ x 21 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 5.440.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.440.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 5.440.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 16 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 14 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 5.120.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.120.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 5.120.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.440.000 đồng - 5.120.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 1 = 320.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.*

50. Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu - 1.000949

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

⁸ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

- Sửa đổi điểm b khoản 5, Điều 36 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Sửa đổi thủ tục hành chính Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu mã số: 1.000949 tại Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)⁹ x 21 ngày (Trong đó có 01 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 5.440.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.440.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 5.440.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 16 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 14 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 5.120.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 5.120.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 5.120.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.440.000 đồng - 5.120.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 1 = 320.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.*

XI. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

51. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vữa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện - 2.001293

a. Nội dung đơn giản hóa:

⁹ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

- Giảm 03 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính Phủ, Bộ Công Thương

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi mục 3 phần VII Phụ lục XI Phụ lục TTHC trong lĩnh vực ATTP tại Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Sửa đổi thủ tục hành chính Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện– Mã TTHC: 2.001293 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)¹⁰ x 25 ngày (Trong đó có 05 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 8.000.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 8.000.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 8.000.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 22 ngày (Trong đó có 03 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 19 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 7.040.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 8.000.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 8.000.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 8.000.000 đồng - 7.040.000 đồng = 960.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 960.000 đồng x 1 = 960.000 đồng/năm

¹⁰ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12%.

52. Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước – 2.001682

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 02 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- **Thẩm quyền đơn giản hóa:** Bộ Công thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi mục 4 phần I Phụ lục XI Phụ lục TTHC trong lĩnh vực ATTP tại Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước– Mã TTHC: [2.001682](#) tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)¹¹ x 45 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 15 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 14.400.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 14.400.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 14.400.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 43 ngày (Trong đó có 08 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 35 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 13.760.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 14.400.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 14.400.000 đồng.

¹¹ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 14.400.000 đồng – 13.760.000 đồng = 640.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 640.000 đồng x 1 = 640.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4.5%.*

53. Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước - 1.003951

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi phần II Phụ lục XI Phụ lục TTHC trong lĩnh vực ATTP tại Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi thủ tục hành chính **Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước – Mã TTHC: 1.003951** tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)¹² x 30 ngày (Trong đó có 10 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 9.600.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 9.600.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 9.600.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 29 ngày (Trong đó có 09 ngày để người

¹² Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 9.280.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 9.280.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 9.280.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 9.600.000 đồng – 9.280.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 1 = 320.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.3%.*

54. Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước – 2.001660

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi mục 4 phần III Phụ lục XI Phụ lục TTHC trong lĩnh vực ATTP tại Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

- Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước– Mã TTHC: 2.001660 tại Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)¹³ x 30 ngày (Trong đó có 10 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 9.600.000 đồng/1 hồ sơ.

¹³ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

+ Tổng cộng năm 2025: 9.600.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025)
= 9.600.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 29 ngày (Trong đó có 09 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 9.280.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 9.280.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025)
= 9.280.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 9.600.000 đồng – 9.280.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 1 = 320.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.3%.*

55. Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm – 1.003860

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 02 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Công thương, Chính phủ.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm– Mã TTHC: 1.003860 Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)¹⁴ x 45 ngày (Trong đó có 02 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 15 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 14.400.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 14.400.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 14.400.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 43 ngày (Trong đó có 08 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 35 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 13.760.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 14.400.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 14.400.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 14.400.000 đồng – 13.760.000 đồng = 640.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 640.000 đồng x 1 = 640.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4.5%.*

56. Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm – 2.001595

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- **Lý do:** Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi tại Điều 10 Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công thương quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm– Mã TTHC: 2.001595 Theo Quyết định số Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính

¹⁴ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)¹⁵ x 30 ngày (Trong đó có 10 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 9.600.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 9.600.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 9.600.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 29 ngày (Trong đó có 09 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 9.280.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 9.280.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 9.280.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 9.600.000 đồng – 9.280.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 1 = 320.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.3%.*

57. Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm – 1.003929

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày làm việc, thời gian giải quyết thủ tục hành chính: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” xuống còn “Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”.

- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính phủ, Bộ Công Thương.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi tại Điều 11 Thông tư số 40/2013/TT-BC ngày 31/12/2013 của Bộ Công thương quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm

¹⁵ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).

chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Sửa đổi thủ tục hành chính Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm– Mã TTHC: 1.003929 Theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- *Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc)¹⁶ x 30 ngày (Trong đó có 10 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định) = 9.600.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 9.600.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 9.600.000 đồng.

- *Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:*

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 320.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc) x 29 ngày (Trong đó có 09 ngày để người dân, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ và 20 ngày thời gian giải quyết hồ sơ sau khi đơn giản hóa) = 9.280.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2025: 9.280.000 đồng x 1 (ước hồ sơ phát sinh năm 2025) = 9.280.000 đồng.

- *Chi phí tiết kiệm:*

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 9.600.000 đồng – 9.280.000 đồng = 320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2025: 320.000 đồng x 1 = 320.000 đồng/năm

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.3%.*

¹⁶ Thời gian thực hiện TTHC quy đổi theo giờ (01 giờ thực hiện TTHC tương đương 40.000 đồng tương ứng 1 ngày làm việc tương đương 320.000 đồng - Tính theo thu nhập bình quân theo công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 9 năm 2023).